

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2024

V/v : Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận
Bà Hà Thị Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị D - sinh năm 1992; địa chỉ: bản T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; SĐT: 0389.067.526. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Jeong S; nơi cư trú: X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc. Hộ chiếu: M81501296, ngày cấp: 23/8/2019, nơi cấp: Bộ Ngoại Giao. Số điện thoại: 82.1058.471882. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023; đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2023; bản tự khai đề ngày 10/11/2023, nguyên đơn bà Mai Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 19/11/2019, bà Mai Thị D và ông Jeong S (nơi cư trú: X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc) đăng ký kết hôn tại X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc (Giấy Chứng nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị D và ông Jeong S đã được chứng nhận, hợp pháp lãnh sự ngày 17/01/2020). Ngày 21/02/2020, bà Mai Thị D đã hoàn thành thủ tục ghi chú kết hôn giữa bà và ông Jeong S tại UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; kết hôn tự nguyện.

Từ khi kết hôn cho đến hiện tại, bà D vẫn sinh sống tại Việt Nam, chưa từng sang Hàn Quốc. Từ khi kết hôn đến tháng 02/2022, bà và ông Jeong S vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Từ tháng 02/2022 đến tháng 02/2023, bà D và ông Jeong S không liên lạc với nhau do ông Jeong S bị tạm giam, bà D cũng không biết rõ lý do. Tháng 3/2023 đến tháng 3/2024, ông Jeong S đã liên lạc lại với bà D. Tuy nhiên, do bất đồng về ngôn ngữ và thời gian dài không liên lạc nên bà D có đề nghị ông Jeong S làm thủ tục ly hôn nhưng ông Jeong S không đồng ý. Từ tháng 3/2024 đến hiện tại, bà và ông Jeong S đã không còn liên lạc với nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Mai Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Jeong S.

Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc giao nộp tài liệu chứng cứ của bị đơn:

Ngày 21/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã ra thông báo số 01/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (sau đây gọi chung là phiên họp hòa giải); thời gian, địa điểm mở lại phiên họp hòa giải; thời gian, địa điểm mở phiên tòa sơ thẩm; thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa sơ thẩm.

Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên đã lập hồ sơ uỷ thác và ban hành công văn số 117/TTTPDS-TA18 ngày 20/02/2024 v/v tương trợ tư pháp (lần 1) gửi Bộ Tư pháp, đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp tới cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và gửi kết quả uỷ thác tư pháp về Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên trong thời hạn quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản số 791/CH-BTP ngày 29/3/2024 của Bộ Tư pháp thông báo về việc đã chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để tổng đạt giấy tờ đối với bị đơn ông Jeong S.

Ngày 22/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản số 1787/BTP-PLQT ngày 07/7/2024 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả uỷ thác tư pháp như sau: Tại Văn bản số 2024-D-328 ngày 16/5/2024 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc thông báo kết quả thực hiện uỷ thác tư pháp, theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc đã thực hiện uỷ thác tư pháp bằng phương thức tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự là bị đơn ông Jeong S vào ngày 14/5/2024.

Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải lần 01 ngày 19/6/2024, lần 02 ngày 18/7/2024 và phiên tòa sơ thẩm lần 01 ngày 18/9/2024, lần 02 ngày 18/10/2024, bị đơn ông Jeong S đều vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ; không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà Mai Thị D đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Jeong S không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Dương được ly hôn với ông Jeong S.

- Về án phí và lệ phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Căn cứ Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà D phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ pháp luật: Bà Mai Thị D và ông Jeong S (nơi cư trú: X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc) đăng ký kết hôn tại X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc. Giấy Chứng nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị D và ông Jeong S đã được chứng nhận, hợp pháp lãnh sự ngày 17/01/2020. Ngày 21/02/2020, bà Mai Thị D đã hoàn thành thủ tục ghi chú kết hôn giữa bà và ông Jeong S tại UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Theo Điều 34 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì hôn nhân của bà Mai Thị D và ông Jeong S được công nhận tại Việt Nam, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Mai Thị D và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “*Ly hôn*”.

[1.2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn ông Jeong S là người nước ngoài, cư trú tại địa chỉ: X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc. Nguyên đơn bà Mai Thị D có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 123; Điều 126; khoản 1 Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thấy rằng: vụ

án tranh chấp ly hôn giữa bà Mai Thị D và ông Jeong S có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Jeong S:

Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên đã lập hồ sơ uỷ thác và ban hành công văn số 117/TTTPDS-TA18 ngày 20/02/2024 v/v tương trợ tư pháp (lần 1) gửi Bộ Tư pháp, đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp tới cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc và gửi kết quả uỷ thác tư pháp về Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên trong thời hạn quy định của pháp luật. Hồ sơ uỷ thác gồm có các tài liệu: (1) Thông báo về việc thụ lý vụ án số 01/TB-TLVA ngày 21/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; (2). Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 141/2023/QĐ-TA ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; (3). Quyết định phân công Thư ký Tòa án tiến hành tố tụng trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 142/2023/QĐ-TA ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; (4). Đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023 của bà Mai Thị D; (5). Đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2023 của bà Mai Thị D; (6). Bản tự khai đề ngày 10/11/2023 của bà Mai Thị D; (7). Bản tự khai đề ngày 22/01/2024 của bà Mai Thị D; (8). Giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị D và ông Jeong S; (9). Giấy chứng nhận không cản trở hôn nhân của ông Jeong S; (10). Giấy chứng nhận cơ bản (quan hệ gia đình) của ông Jeong S; (11). Trích lục ghi chú kết hôn số 01/TLGCKH-BS ngày 21/02/2020; (12). Căn cước công dân của bà Mai Thị D; (13). Hộ chiếu của ông Jeong S (bản sao kèm bản dịch).

Ngày 09/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản số 791/CH-BTP ngày 29/3/2024 của Bộ Tư pháp thông báo về việc đã chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để tổng đạt giấy tờ đối với bị đơn ông Jeong S.

Ngày 22/7/2024, Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được văn bản số 1787/BTP-PLQT ngày 07/7/2024 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả uỷ thác tư pháp, theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc đã thực hiện uỷ thác tư pháp bằng phương thức tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự là bị đơn ông Jeong S vào ngày 14/5/2024.

Tuy nhiên, tại phiên họp hòa giải lần 01 ngày 19/6/2024, lần 02 ngày 18/7/2024 và phiên tòa sơ thẩm lần 01 ngày 18/9/2024, lần 02 ngày 18/10/2024, bị đơn ông Jeong S đều vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ; không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc bị đơn ông Jeong S vắng mặt tại các phiên họp hoà giải và phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thể hiện sự từ bỏ quyền tham gia tố tụng và bảo vệ mình trước Tòa án.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Jeong S.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Mai Thị D đối với ông Jeong S thấy rằng:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mai Thị D và ông Jeong S kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại X, nước Cộng Hòa Hàn Quốc. Giấy Chứng nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị D và ông Jeong S đã được chứng nhận, hợp pháp lãnh sự ngày 17/01/2020 và đã thực hiện thủ tục ghi chú kết hôn tại UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ngày 21/02/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà D vẫn sinh sống tại Việt Nam, còn ông Jeong S quay trở về Hàn Quốc, bà D và ông Jeong S vẫn liên lạc nói chuyện bằng điện thoại. Tuy nhiên do bất đồng về ngôn ngữ, thời gian dài không liên lạc và khoảng cách địa lý, bà D và ông Jeong S không có thời gian chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, có cơ sở kết luận mục đích hôn nhân giữa bà Mai Thị D và ông Jeong S không đạt được, bà D đề nghị được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.] Về con chung: bà Mai Thị D khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Mai Thị D khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai 0002209 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[3.2] Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ quy định tại Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị D phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 0002211 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[3.3] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Căn cứ công văn số 154/TANDTC-HTQT ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tối cao (bảng số 2 - danh sách các nước thành viên công ước tổng đạt giấy tờ không thu chi phí tổng

đạt): Trả lại cho bà Mai Thị D số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo biên lai 0002210 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 126, khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 1, 2 Điều 479 khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ công văn số 154/TANDTC-HTQT ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tối cao (bảng số 2 - danh sách các nước thành viên công ước tổng đạt giấy tờ không thu chi phí tổng đạt).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị D.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị D với ông Jeong S.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai 0002209 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[2.2] Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Mai Thị D phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 0002211 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[2.3] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Trả lại cho bà Mai Thị D số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo biên lai 0002210 ngày 18/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Mai Thị D có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/10/2024); ông Jeong S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh DB;
- Các đương sự;
- UBND thành phố DBP
- Cục THADS tỉnh DB;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hằng